

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 29



# CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tô Hoài Văn	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Lâm Nhị Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Hoàng Anh Lộc	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Lộc	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2016)
Ông Hà Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2016)


### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

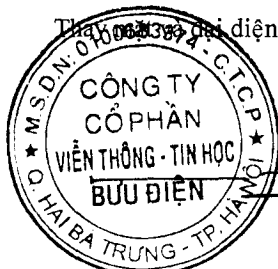
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Trí Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017



Số: *103* /VACO/BCKT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

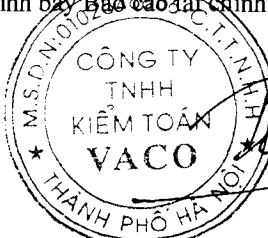
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Nguyễn Đức Tiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017

**Bùi Thị Phương**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.369.989.197.543</b>	<b>1.133.973.610.284</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>492.868.831.670</b>	<b>88.156.343.092</b>
1. Tiền	111		12.469.564.114	38.156.343.092
2. Các khoản tương đương tiền	112		480.399.267.556	50.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>469.153.638.790</b>	<b>707.363.433.191</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	469.729.900.927	700.270.504.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	18.184.204.027	20.271.612.319
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.347.030.613	6.798.626.892
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(24.107.496.777)	(19.977.310.397)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>405.146.073.772</b>	<b>319.505.189.965</b>
1. Hàng tồn kho	141		406.533.531.925	323.224.580.827
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.387.458.153)	(3.719.390.862)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.820.653.311</b>	<b>16.948.644.036</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.005.661.648	5.141.460.314
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.814.991.663	11.805.842.722
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	18	-	1.341.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>194.721.569.358</b>	<b>142.374.759.334</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	10.000.000	10.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>125.798.736.830</b>	<b>122.237.890.144</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	51.733.888.806	48.173.042.120
- Nguyên giá	222		192.803.394.500	180.585.825.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.069.505.694)	(132.412.783.469)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	74.064.848.024	74.064.848.024
- Nguyên giá	228		81.024.027.224	81.024.027.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.959.179.200)	(6.959.179.200)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.997.555.896</b>	<b>943.359.570</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.997.555.896	943.359.570
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>63.380.065.784</b>	<b>15.191.000.000</b>
1. Đầu tư và công ty con	251		50.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn và đơn vị khác	253		15.191.000.000	15.191.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.810.934.216)	(20.000.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.535.210.848</b>	<b>3.992.509.620</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.535.210.848	3.992.509.620
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.564.710.766.901</b>	<b>1.276.348.369.618</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.113.497.816.399</b>	<b>877.141.099.903</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.112.530.143.634</b>	<b>875.534.130.444</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	527.869.049.027	596.237.130.300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	63.915.902.028	9.815.055.676
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10.819.849.874	5.972.865.190
4. Phải trả người lao động	314		68.402.078.231	42.194.945.858
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.130.211.630	8.487.542.829
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		615.660.295	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	8.465.009.954	5.954.464.253
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	415.675.480.184	201.093.640.440
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.636.902.411	5.778.485.898
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>967.672.765</b>	<b>1.606.969.459</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	414.296.694
2. Phải trả dài hạn khác	337	20	967.672.765	1.192.672.765
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>451.212.950.502</b>	<b>399.207.269.715</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>451.212.950.502</b>	<b>399.207.269.715</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		157.000.000.000	157.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		157.000.000.000	157.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.801.036.956	13.801.036.956
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		161.898.947.210	161.898.947.210
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.512.966.336	66.507.285.549
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.998.873.485	16.888.922.317
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		79.514.092.851	49.618.363.232
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.564.710.766.901</b>	<b>1.276.348.369.618</b>



Nguyễn Trí Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017

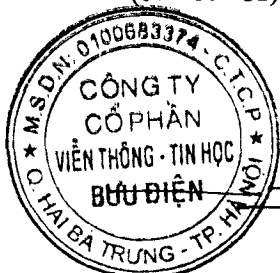
Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.708.476.117.854	1.966.396.054.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	279.713.681	154.071.328
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.708.196.404.173	1.966.241.983.570
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	1.537.740.646.447	1.825.069.961.339
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		170.455.757.726	141.172.022.231
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	23.977.232.310	22.400.151.582
7. Chi phí tài chính	22	28	29.483.387.671	35.349.266.010
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		15.482.959.094	2.198.472.454
8. Chi phí bán hàng	25	29	2.948.262.972	11.027.177.147
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	62.606.750.599	55.284.506.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		99.394.588.794	61.911.223.800
11. Thu nhập khác	31		4.621.431.204	1.303.479.417
12. Chi phí khác	32		4.958.062.867	2.613.357.914
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(336.631.663)	(1.309.878.497)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		99.057.957.131	60.601.345.303
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	19.543.864.280	10.982.982.071
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		79.514.092.851	49.618.363.232



Nguyễn Trí Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.116.677.626.466	1.702.300.799.847
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(1.599.574.318.763)	(1.344.421.417.538)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(73.717.692.986)	(63.611.930.869)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.348.419.922)	(2.017.018.252)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(15.241.194.727)	(12.744.593.750)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.028.930.563	10.918.610.657
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(174.621.713.936)	(434.916.540.782)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>247.203.216.695</b>	<b>(144.492.090.687)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.367.492.066)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	288.100.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.901.529.290	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.747.292.340	8.880.613.379
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(33.430.570.436)</b>	<b>6.880.613.379</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.188.595.748.878	385.344.566.363
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(974.013.909.134)	(247.178.129.182)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.641.997.425)	(23.185.503.025)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>190.939.842.319</b>	<b>114.980.934.156</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>404.712.488.578</b>	<b>(22.630.543.152)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>88.156.343.092</b>	<b>110.808.781.496</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(21.895.252)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>492.868.831.670</b>	<b>88.156.343.092</b>



Nguyễn Trí Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Ngọc Sơn  
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
 Người lập



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000678 cấp lần đầu vào ngày 12/12/2001 và Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 13 vào ngày 09/07/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 157.000.000.000 VND.

#### **Tổng số lao động trong Công ty**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 452 người (tại ngày 31/12/2015 là 455 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị trong ngành truyền hình, đầu tư sản xuất thiết bị viễn thông, internet, sản xuất trong lĩnh vực viễn thông;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo công nghệ viễn thông, đào tạo công nghệ thông tin;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center), các thiết bị trong ngành truyền hình, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hạ tầng viễn thông, các hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center), Xây lắp công trình viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng mạng viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng internet và viễn thông, dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng mạng viễn thông, thiết kế thiết bị bảo vệ (không bao gồm thiết kế công trình), thiết kế mạng công trình thông tin, bưu chính viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: cung cấp các dịch vụ;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu: sản xuất thiết bị bảo vệ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị bảo vệ;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: Đầu tư sản xuất máy tính, sản xuất trong lĩnh vực tin học;
- Lắp trình máy vi tính: Đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính: Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Dịch vụ thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2016, Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện là công ty con sở hữu 100% vốn điều lệ.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện: Là công ty con của Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện: Là công ty liên kết với Công ty

Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học bưu điện (Chi nhánh Hồ Chí Minh): Hạch toán phụ thuộc.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học bưu điện tại Đà Nẵng: Báo số hạch toán chung tại văn phòng.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: Giá trị vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là 50.585.540.000 VND, tương đương 32% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện: Là công ty con của Công ty (Công ty sở hữu 100% vốn).
- Công ty Cổ phần Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện: Là công ty liên kết với Công ty (Công ty sở hữu 40% vốn).
- Viễn thông các tỉnh thành, Ban QLDA – Viễn thông TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông, Tổng Công ty Truyền thông, Tổng Công ty Hạ tầng mạng, Công ty Cổ phần Kasati: Là các đơn vị thành viên, đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty có vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty: Lãnh đạo chủ chốt.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

##### Công cụ tài chính

###### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

###### *Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư tài chính

###### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Trong năm 2016, Công ty không thực hiện trích lập thêm hay hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, số dư dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết là mức trích lập dự phòng năm 2012 với mức trích lập 100% giá trị khoản đầu tư do khoản lỗ của công ty liên kết đã lớn hơn giá trị vốn đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư dài hạn khác***

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### ***Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi***

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Trong năm, còn một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi, nên Công ty quyết định không trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu này.

#### ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoản dự phòng được Công ty trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức độ suy giảm giá trị hàng tồn kho so với giá thị trường. Theo đó hàng tồn kho được đánh giá là suy giảm giá trị từ 50% và 75% so với giá trị ghi sổ kế toán, vì thực tế hàng tồn kho này hiện nay không có bán trên thị trường.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với những tài sản Công ty nhận do góp vốn thì Công ty thực hiện trích khấu hao dựa trên giá trị còn lại và thời gian sử dụng còn lại. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là lâu dài nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí chờ kết chuyển công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng tối đa không quá ba năm.

#### **Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả trong năm là các chi phí trích trước chi phí cho các dự án của Công ty.

**Nguồn vốn**

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập theo quy định của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	118.041.241	84.474.762
Tiền gửi ngân hàng	12.351.522.873	38.071.868.330
Các khoản tương đương tiền (i)	480.399.267.556	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>492.868.831.670</b>	<b>88.156.343.092</b>

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	176.587.298.205	38.731.207.958
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	105.126.340.837	-
Công ty CP Thương Mại Viễn thông - Tin học Bưu điện	45.191.595.194	41.009.843.706
Các đối tượng khác	142.824.666.691	620.529.452.713
<b>Cộng</b>	<b>469.729.900.927</b>	<b>700.270.504.377</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Trung tâm Công nghệ Thông tin Mobifone - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	16.309.382.166	-
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	-	16.134.307.607
Các đối tượng khác	1.874.821.861	4.137.304.712
<b>Cộng</b>	<b>18.184.204.027</b>	<b>20.271.612.319</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.347.030.613</b>	-	<b>6.798.626.892</b>	-
Lãi dự thu	553.173.676	-	169.133.333	-
Tiền thuế thu nhập cá nhân	1.603.555.791	-	565.300.922	-
Tạm ứng	1.341.563.158	-	2.777.980.505	-
Ký cược, ký quỹ	109.081.254	-	114.238.300	-
Các khoản phải thu khác	1.739.656.734	-	3.171.973.832	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	-	<b>10.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**9. NỢ XẤU**

	Năm nay		Năm trước	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Hạ tầng mạng (khoản nợ cũ chuyển sang của Công ty Dịch vụ Viễn thông (GPC))	4.845.811.789	1.374.610.736	6.821.496.311	-
Công ty CP Phần Mềm Việt	-	-	335.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Viễn thông - Tin học Bưu điện	45.191.595.194	24.707.698.545	40.959.271.217	28.671.489.852
Viễn thông Trà Vinh	55.720.945	-	55.720.945	-
Viễn thông Bình Dương	100.496.194	3.818.064	196.959.866	109.190.551
Viễn thông Bà Rịa - Vũng Tàu	229.295.000	229.295.000	5.000.000	-
Công ty TNHH IBM Việt Nam	-	-	15.559.775	-
Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Hiệp Hưng	-	-	246.560.000	-
Trung tâm hạ tầng mạng miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	2.333.126.067	2.333.126.067	2.168.566.713	2.046.144.027
<b>Cộng</b>	<b>52.756.045.189</b>	<b>28.648.548.412</b>	<b>50.804.134.827</b>	<b>30.826.824.430</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Năm nay		Năm trước	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	46.998.622.381	-
Nguyên liệu, vật liệu	189.362.095	-	38.177.001	-
Công cụ, dụng cụ	12.240.255	-	3.674.803	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	369.767.431.942	-	243.393.022.789	-
Thành phẩm	490.817.914	-	765.349.251	-
Hàng hoá	21.051.047.684	(1.387.458.153)	32.025.734.602	(3.719.390.862)
Hàng gửi đi bán	15.022.632.035	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>406.533.531.925</b>	<b>(1.387.458.153)</b>	<b>323.224.580.827</b>	<b>(3.719.390.862)</b>

Trong năm, Công ty thực hiện trích lập bổ sung dự phòng hàng hóa do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho giảm so với giá gốc của hàng tồn kho. Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng gửi bán do đã tiêu thụ trong năm.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.005.661.648</b>	<b>5.141.460.314</b>
Chi phí chờ kết chuyển	1.005.661.648	5.141.460.314
<b>Dài hạn</b>	<b>2.535.210.848</b>	<b>3.992.509.620</b>
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 1 năm)	2.535.210.848	3.992.509.620

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	42.735.965.907	47.648.736.471	12.236.485.234	6.072.692.488	71.891.945.489	180.585.825.589
Tăng trong năm	1.562.772.725	8.789.262.420	1.431.800.000	201.252.677	1.194.520.335	13.179.608.157
Thanh lý nhượng bán	-	(59.100.000)	(902.939.246)	-	-	(962.039.246)
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.298.738.632</b>	<b>56.378.898.891</b>	<b>12.765.345.988</b>	<b>6.273.945.165</b>	<b>73.086.465.824</b>	<b>192.803.394.500</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
Số đầu năm	7.899.390.123	44.134.397.375	9.675.867.357	4.153.724.699	66.549.403.915	132.412.783.469
Khấu hao trong năm	1.808.119.551	2.293.725.830	294.532.297	805.150.366	4.417.233.427	9.618.761.471
Thanh lý nhượng bán	-	(59.100.000)	(902.939.246)	-	-	(962.039.246)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.707.509.674</b>	<b>46.369.023.205</b>	<b>9.067.460.408</b>	<b>4.958.875.065</b>	<b>70.966.637.342</b>	<b>141.069.505.694</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số cuối năm	34.591.228.958	10.009.875.686	3.697.885.580	1.315.070.100	2.119.828.482	51.733.888.806
Số đầu năm	34.836.575.784	3.514.339.096	2.560.617.877	1.918.967.789	5.342.541.574	48.173.042.120

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 118.136.316.095 VND (tại ngày 31/12/2015 là 110.426.062.234 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao không sử dụng được đang chờ thanh lý tại ngày 31/12/2016 là 7.264.807.364 VND.

Tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay bao gồm tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	6.959.179.200	74.064.848.024	81.024.027.224
Số cuối năm	6.959.179.200	74.064.848.024	81.024.027.224
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	6.959.179.200	-	6.959.179.200
Số cuối năm	6.959.179.200	-	6.959.179.200
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số cuối năm	-	74.064.848.024	74.064.848.024
Số đầu năm	-	74.064.848.024	74.064.848.024

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 6.959.179.200 VND (Tại ngày 31/12/2015 là 6.959.179.200 VND).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.997.555.896</b>	<b>2.997.555.896</b>	<b>943.359.570</b>	<b>943.359.570</b>
Cao ốc văn phòng tại TP Hồ Chí Minh - Chi phí hàn thiện trụ sở	33.972.052	33.972.052	33.972.052	33.972.052
Xây dựng tài sản cố định của hoạt động Inbuilding	2.635.583.844	2.635.583.844	884.842.063	884.842.063
Công trình khác	328.000.000	328.000.000	24.545.455	24.545.455

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	85.191.000.000	(21.810.934.216)	63.380.065.784	35.191.000.000	(20.000.000.000)	15.191.000.000
Đầu tư vào công ty con	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện (i)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Công ty CP TM VT Tin học Bưu điện	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	15.191.000.000	(1.810.934.216)	13.380.065.784	15.191.000.000	-	15.191.000.000
Công ty CP Dịch vụ KT VT HN	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam (ii)	5.366.000.000	(1.810.934.216)	3.555.065.784	5.366.000.000	-	5.366.000.000
Công ty CP ITTA	3.200.000.000	-	3.200.000.000	3.200.000.000	-	3.200.000.000
CTCP Đầu tư phát triển công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	625.000.000	625.000.000	-	625.000.000

**Ghi chú:**

(i) Trong năm, Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện là công ty con với sở hữu 100% vốn điều lệ theo Nghị quyết và Biên bản họp ngày 25/8/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá, tồn thất các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu	Tp. Hà Nội	100%	100%	Hoạt động trung gian tiền tệ
Công ty CP TM VT Tin học Bưu điện	Tp. Hà Nội	40%	40%	Thương mại
Công ty CP Dịch vụ KT VT HN	Tp. Hà Nội	15%	15%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Công nghệ Truyền thông VN	Tp. Hà Nội	1,0%	1,0%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP ITTA	Tp. Hà Nội	16,0%	16,0%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP ĐTPT công nghệ và Truyền thông	Tp. Hà Nội	2,5%	2,5%	Dịch vụ viễn thông

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Công ty con là Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện mới thành lập từ ngày 08/09/2016 nên chưa phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính.

Công ty liên kết là Công ty CP Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện: hoạt động kinh doanh trong năm 2016 tăng trưởng tốt, đạt lợi nhuận gần 22 tỷ.đồng, từ đó dẫn tới Vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại Viễn thông Tin học Bưu điện chỉ còn âm khoảng 6,8 tỷ đồng..

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Năm nay		Năm trước	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
NUTEK TELECOM	201.630.344.174	201.630.344.174	69.664.287.479	69.664.287.479
STAR EXCELLENCE	119.116.371.301	119.116.371.301	18.456.437.216	18.456.437.216
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	71.409.977.437	71.409.977.437	-	-
Ericsson AB	20.208.930.401	20.208.930.401	115.337.210.654	115.337.210.654
ZTE Corporation	8.159.330.496	8.159.330.496	311.957.082.430	311.957.082.430
Các đối tượng khác	107.344.095.218	107.344.095.218	80.822.112.521	80.822.112.521
<b>Cộng</b>	<b>527.869.049.027</b>	<b>527.869.049.027</b>	<b>596.237.130.300</b>	<b>596.237.130.300</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Cục Viễn thông	40.065.500.000	-
Trung tâm Công nghệ thông tin - Bảo hiểm xã hội Việt Nam	18.091.455.600	-
Các đối tượng khác	5.758.946.428	9.815.055.676
<b>Cộng</b>	<b>63.915.902.028</b>	<b>9.815.055.676</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.692.444.704	108.860.117.975	109.969.886.915	582.675.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.227.590.171	20.285.059.007	15.241.194.727	9.271.454.451
Thuế thu nhập cá nhân	43.336.631	3.244.128.468	2.331.673.143	955.791.956
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	800.812.740	800.812.740	-
Các loại thuế khác	9.493.684	14.092.815.303	14.092.381.284	9.927.703
<b>Cộng</b>	<b>5.972.865.190</b>	<b>147.282.933.493</b>	<b>142.435.948.809</b>	<b>10.819.849.874</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.341.000	1.341.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.341.000</b>	<b>1.341.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí thuế nhà thầu nước ngoài	4.031.516.831	1.999.946.340
Trích trước chi phí thuê ngoài phục vụ dự án	3.860.031.432	2.303.726.382
Trích trước chi phí bảo hành cho các dự án	-	783.411.018
Chi phí trích trước khác	1.238.663.367	3.400.459.089
<b>Cộng</b>	<b><u>9.130.211.630</u></b>	<b><u>8.487.542.829</u></b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.465.009.954</b>	<b>5.954.464.253</b>
- Kinh phí công đoàn	1.848.022.969	1.525.669.569
- Bảo hiểm xã hội	66.494.076	46.333.650
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	603.513.894	839.016.419
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	905.589.857	346.833.318
- Tạm ứng dư Có	454.879.659	252.536.492
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.586.509.499	2.944.074.805
<b>b) Dài hạn</b>	<b>967.672.765</b>	<b>1.192.672.765</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	967.672.765	1.192.672.765

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng
		trả nợ VND				trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>415.675.480.184</b>	<b>415.675.480.184</b>	<b>1.188.595.748.878</b>	<b>974.013.909.134</b>	<b>201.093.640.440</b>	<b>201.093.640.440</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (i)	258.801.231.209	258.801.231.209	561.140.553.733	415.399.181.793	113.059.859.269	113.059.859.269
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở - Vay VND (ii)	77.328.338.292	77.328.338.292	338.967.881.823	299.969.443.531	38.329.900.000	38.329.900.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Vay VND (iii)	24.390.426.553	24.390.426.553	77.434.066.225	102.747.520.843	49.703.881.171	49.703.881.171
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) (iv)	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TP Bank (v)	5.155.484.130	5.155.484.130	91.725.047.146	86.569.563.016	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	69.328.199.951	69.328.199.951	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT 142-VTTHBD ngày 27/05/2016, hạn mức 300 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 20/05/2017, mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ kỹ thuật cho ngành công nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất điều chỉnh mỗi tháng 1 lần, lãi suất đầu tiên là 4,5%/năm, tài sản đảm bảo là tín chấp.
- (ii) Hợp đồng tín dụng số KHCTIN 160082/HĐCTD.VCB ngày 10/08/2016, hạn mức cấp tín dụng 1.000 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng 02/08/2017, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa 12 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất thả nổi, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 33020.16.057.288686.TD ngày 07/07/2016, hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 07/07/2017. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị và dịch vụ viễn thông - tin học của khách hàng năm 2016 – 2017, thời hạn tối đa của các khoản tín dụng trong hạn mức cho vay không vượt quá 09 tháng. Lãi suất cho vay được ngân hàng ghi nhận cụ thể trong Khế ước nhận nợ. Không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Hợp đồng tín dụng số 088DN1209/2016/VIB-CTIN ngày 12/09/2016 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, hạn mức tín dụng 150 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích: đáp ứng nhu cầu về bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin đã có hợp đồng đầu ra cụ thể, thời hạn của các khoản tín dụng trong hạn mức cho vay không vượt quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng đơn đề nghị giải ngân và được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Cho vay không có tài sản bảo đảm.
- (v) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 08-03.161.1/HĐTD/TPBANK ngày 06/09/2016 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TP Bank, mức tín dụng tối đa là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày 06/09/2016 đến ngày 06/09/2017, thời hạn mỗi khoản vay không vượt quá 06 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hàng hóa dịch vụ, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin. Lãi suất được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Biện pháp đảm bảo là không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư Phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>157.000.000.000</b>	<b>13.801.036.956</b>	<b>161.898.947.210</b>	<b>46.074.889.341</b>	<b>378.774.873.507</b>
Lãi trong năm	-	-	-	49.618.363.232	49.618.363.232
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	-	(29.078.986.721)	(29.078.986.721)
Truy thu thuế năm 2013, 2014	-	-	-	(195.319.566)	(195.319.566)
Tăng khác	-	-	-	115.889.263	115.889.263
Chi phí không được trừ	-	-	-	(27.550.000)	(27.550.000)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>157.000.000.000</b>	<b>13.801.036.956</b>	<b>161.898.947.210</b>	<b>66.507.285.549</b>	<b>399.207.269.715</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	79.514.092.851	79.514.092.851
Phân phối lợi nhuận năm 2015 (i)	-	-	-	(29.607.373.747)	(29.607.373.747)
Truy thu thuế năm 2015 (ii)	-	-	-	(999.927.715)	(999.927.715)
Tăng khác (iii)	-	-	-	3.128.607.750	3.128.607.750
Chi phí không được trừ	-	-	-	(29.718.352)	(29.718.352)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>157.000.000.000</b>	<b>13.801.036.956</b>	<b>161.898.947.210</b>	<b>118.512.966.336</b>	<b>451.212.950.502</b>

**Ghi chú:**

- (i) Theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty sẽ được trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 5.949.910.588 VND, chi trả cổ tức năm 2015 là 23.550.000.000 VND và trích bổ sung thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015 là 107.463.159 VND.
- (ii) Theo quyết định số 76831/ QĐ-CT-KTT2 ngày 01/12/2016 của cục Thuế Hà Nội về việc truy thu các khoản thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp của năm 2015.
- (iii) Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 25/11/2016 của cục Thuế Hà Nội Công ty ghi nhận bổ sung một khoản thu nhập do xử lý các khoản công nợ tồn đọng vào kết quả kinh doanh năm 2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Tình hình góp vốn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:*

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2016	
	VND	(%)
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	50.585.540.000	32,22
Các cổ đông khác	106.414.460.000	67,78
	<b>157.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:*

	Năm nay	Năm trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.700.000	15.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.700.000	15.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.700.000	15.700.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.700.000	15.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.700.000	15.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

**Cổ tức**

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 23.641.997.425 VND.

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại		
+ USD	1.516,27	5.771,80
+ EUR	214.82	227,75

**24. TỔNG DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.482.749.516.092	1.710.697.974.252
Doanh thu cung cấp dịch vụ	225.726.601.762	255.698.080.646
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.708.476.117.854</b>	<b>1.966.396.054.898</b>

**25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	279.713.681	154.071.328
- Chiết khấu thương mại	279.713.681	154.071.328

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.346.790.011.481	1.564.680.761.434
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	190.950.634.966	260.389.199.905
<b>Cộng</b>	<b>1.537.740.646.447</b>	<b>1.825.069.961.339</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	12.633.168.187	2.007.743.455
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.656.008.567	13.285.808.127
Cổ tức nhận được chia	5.670.000.000	7.106.600.000
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	18.055.556	-
<b>Cộng</b>	<b>23.977.232.310</b>	<b>22.400.151.582</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	15.482.959.094	2.198.472.454
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.860.217.968	26.704.490.690
Lãi chậm trả, phí LC ngân hàng, phí bảo lãnh	5.329.276.393	6.347.832.156
Dự phòng đầu tư dài hạn	1.810.934.216	-
Chi phí tài chính khác	-	98.470.710
<b>Cộng</b>	<b>29.483.387.671</b>	<b>35.349.266.010</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP – CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	30.934.548.233	17.399.115.449
Chi phí vật liệu quản lý	110.888.993	400.728.275
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.121.312.639	1.086.641.783
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.099.425.837	1.125.844.006
Thuế, phí và lệ phí	1.770.086.716	2.484.120.927
Chi phí dự phòng	4.130.186.380	12.587.789.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.587.984.823	4.706.972.276
Chi phí bằng tiền khác	18.852.316.978	15.493.294.516
<b>Cộng</b>	<b>62.606.750.599</b>	<b>55.284.506.856</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí bảo hành	541.831.563	500.897.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.028.194.420	3.273.956.491
Chi phí bằng tiền khác	378.236.989	7.252.323.338
<b>Cộng</b>	<b>2.948.262.972</b>	<b>11.027.177.147</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.568.711.350	12.349.094.411
Chi phí nhân công	113.111.540.181	74.019.519.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.618.761.471	8.951.175.842
Thuế, phí và lệ phí	1.770.086.716	2.484.120.927
Chi phí dự phòng	4.130.186.380	12.587.789.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.506.753.787	136.540.737.841
Chi phí khác bằng tiền	43.641.012.818	78.982.700.890
<b>Cộng</b>	<b><u>300.347.052.703</u></b>	<b><u>325.915.139.321</u></b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	99.057.957.131	60.601.345.303
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.338.635.729)	(10.678.699.526)
- Trừ: (Lãi)/ Lỗ CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu (i)	(32.105.424)	(3.572.099.526)
- Cộng: Lãi CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu năm trước (ii)	3.572.099.526	-
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế (iii)	(5.670.000.000)	(7.106.600.000)
- Cộng: Chi phí không được trừ	791.370.169	-
Thu nhập chịu thuế	97.719.321.402	49.922.645.777
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>19.543.864.280</u></b>	<b><u>10.982.982.071</u></b>

**Ghi chú:**

- i. Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay là chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 của các khoản tiền, phải thu. Khoản lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm nay được loại ra khỏi thu nhập chịu thuế của năm nay và sẽ được tính vào thu nhập chịu thuế của năm sau.
- ii. Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm trước là chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại ngày 31/12/2015 của các khoản tiền, phải thu. Khoản lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước được tính vào thu nhập chịu thuế của năm nay.
- iii. Thu nhập không chịu thuế là cổ tức và lợi nhuận được chia của các khoản đầu tư tài chính dài hạn

**32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong địa bàn thành phố Hà Nội, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực viễn thông tin học. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	415.675.480.184	201.093.640.440
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	492.868.831.670	88.156.343.092
Nợ thuần	-	112.937.297.348
Vốn chủ sở hữu	157.000.000.000	157.000.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,72

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương	492.868.831.670	-	88.156.343.092	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	473.626.287.128	(24.107.496.777)	704.176.912.464	(19.977.310.397)
Đầu tư dài hạn	85.191.000.000	(21.810.934.216)	35.191.000.000	(20.000.000.000)
Tài sản tài chính khác	119.081.254	-	124.238.300	-
	<b>1.051.805.200.052</b>	<b>(45.918.430.993)</b>	<b>827.648.493.856</b>	<b>(39.977.310.397)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			415.675.480.184	201.093.640.440
Phải trả người bán, phải trả khác			537.301.731.746	603.384.267.318
Chi phí phải trả			9.130.211.630	8.487.542.829
			<b>962.107.423.560</b>	<b>812.965.450.587</b>

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

##### **Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

##### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

##### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

##### *Rủi ro về tỷ giá*

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

##### *Rủi ro lãi suất*

Tài sản lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)*

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương	492.868.831.670	-	-	492.868.831.670
Phải thu khách hàng, phải thu khác	473.626.287.128	-	-	473.626.287.128
Đầu tư dài hạn	-	85.191.000.000	-	85.191.000.000
Tài sản tài chính khác	109.081.254	10.000.000	-	119.081.254
	<b>966.604.200.052</b>	<b>85.201.000.000</b>	-	<b>1.051.805.200.052</b>
Vay và nợ	415.675.480.184	-	-	415.675.480.184
Phải trả người bán, phải trả khác	536.334.058.981	967.672.765	-	537.301.731.746
Chi phí phải trả	9.130.211.630	-	-	9.130.211.630
	<b>961.139.750.795</b>	<b>967.672.765</b>	-	<b>962.107.423.560</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>5.464.449.257</b>	<b>84.233.327.235</b>	-	<b>89.697.776.492</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

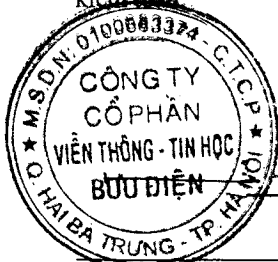
**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương	88.156.343.092	-	-	88.156.343.092
Phải thu khách hàng, phải thu khác	704.176.912.464	-	-	704.176.912.464
Đầu tư dài hạn	-	35.191.000.000	-	35.191.000.000
Tài sản tài chính khác	114.238.300	10.000.000	-	124.238.300
	<b>792.447.493.856</b>	<b>35.201.000.000</b>	-	<b>827.648.493.856</b>
Vay và nợ	201.093.640.440	-	-	201.093.640.440
Phải trả người bán, phải trả khác	602.191.594.553	1.192.672.765	-	603.384.267.318
Chi phí phải trả	8.487.542.829	-	-	8.487.542.829
	<b>811.772.777.822</b>	<b>1.192.672.765</b>	-	<b>812.965.450.587</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>(19.325.283.966)</b>	<b>34.008.327.235</b>	-	<b>14.683.043.269</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán



Nguyễn Trí Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Ngọc Sơn  
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
 Người lập